

TỔNG CỤC DU LỊCH VIỆT NAM
Viện NCPT Du lịch
-----&-----

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG BIỂN
VÀ VEN BIỂN VIỆT NAM**

TS.KTS. Lê Trọng Bình

HÀ NỘI, 2007

TS.KTS.Lê Trọng Bình /2007 1

MỤC LỤC

1. Sự cần thiết của giải pháp
2. Căn cứ xây dựng giải pháp
3. Phạm vi, giới hạn nghiên cứu
 - 3.1. Về không gian
 - 3.2. Về thời gian
4. Mục tiêu và nội dung chủ yếu
 - 4.1. Mục tiêu
 - 4.2. Nội dung nghiên cứu
 - 4.2.1. Giới hạn nghiên cứu
 - 4.2.2. Nội dung nghiên cứu chủ yếu

PHẦN I

THỰC TRẠNG, NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG BIỂN VÀ VEN BIỂN

I. XÁC ĐỊNH GIỚI HẠN KHÔNG GIAN DU LỊCH BIỂN VÀ VEN BIỂN

1. Nguyên tắc xác định ranh giới
2. Tiêu chí xác định không gian

II. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG BIỂN VÀ VEN BIỂN VIỆT NAM

1. Thị trường khách du lịch
 - 1.1. Khách du lịch quốc tế
 - 1.2. Thị trường khách du lịch nội địa
2. Thu nhập du lịch
3. Sản phẩm du lịch
4. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch
 - 4.1. Cơ sở lưu trú:
 - 4.2. Các cơ sở dịch vụ ăn uống
 - 4.3. Các dịch vụ du lịch khác
5. Lao động trong ngành du lịch vùng biển và ven biển
6. Về phát triển không gian du lịch biển và vùng ven biển
7. Công tác xúc tiến quảng bá du lịch
8. Đầu tư phát triển du lịch
9. Quản lý Nhà nước về du lịch
10. Đánh giá chung
 - 8.2. Những hạn chế và nguyên nhân
 - 8.2.1. Tồn tại

8.2.2. Những nguyên nhân

III. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG BIỂN VÀ VEN BIỂN

1. Tài nguyên du lịch tự nhiên
 - 1.1. Cảnh quan danh thắng
 - 1.2. Các bãi biển

1.3. Tài nguyên du lịch địa chất

1.4. Tài nguyên nước khoáng

1.5. Hệ sinh thái biển và ven bờ

2. Tài nguyên du lịch nhân văn

4. Đánh giá chung về tài nguyên du lịch

5. Các nguồn lực kinh tế - xã hội

5.1. Cơ sở hạ tầng vùng biển và ven biển

5.2. Hệ thống đô thị, khu dân cư

5.3. Cơ sở hạ tầng xã hội

6. Đánh giá những cơ hội và thách thức phát triển du lịch vùng biển và ven biển Việt

Nam

6.1. Những cơ hội

6.2. Những khó khăn và thách thức

PHẦN II

CÁC GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG BIỂN VÀ VEN BIỂN VIỆT NAM

I. NỘI DUNG CỦA CHIẾN LƯỢC VÀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010 ĐỐI VỚI VÙNG BIỂN VÀ VEN BIỂN

1. Quan điểm phát triển

2. Mục tiêu phát triển

3. Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng

4. Tổ chức không gian du lịch vùng

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG BIỂN VÀ VEN BIỂN VIỆT NAM

1. Quan điểm phát triển

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

2.2. Mục tiêu cụ thể

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG BIỂN VÀ VEN BIỂN VIỆT NAM

1. Tập trung ưu tiên công tác lập Quy hoạch phát triển du lịch

2. Phát triển sản phẩm du lịch

3. Phát triển thị trường

4.1. Thị trường trọng điểm

4. Phát triển không gian du lịch

4.1. Phân vùng không gian phát triển du lịch

4.2. Trọng điểm phát triển du lịch

4.3. Các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch

5. Giải pháp về đầu tư phát triển du lịch

5.1. Mục tiêu

- 5.2. Quan điểm đầu tư
- 5.3. Các lĩnh vực đầu tư
- 5.4. Ưu tiên đầu tư
 - 5.4.1. Các khu vực ưu tiên đầu tư
 - 5.4.2. Ưu tiên phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch
 - 5.4.2. Một số khu du lịch, điểm du lịch ưu tiên đầu tư
6. Tăng cường công tác xúc tiến quảng bá du lịch
7. Giải pháp về chính sách
 - 7.1. Cơ chế, chính sách đầu tư phát triển du lịch
 - 7.2. Chính sách về tài chính
 - 7.3. Chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch
 - 7.4. Tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh doanh du lịch
 - 7.5. Chính sách quản lý nhà nước các tiềm năng du lịch biển có giá trị đặc biệt
8. Giải pháp bảo vệ và tôn tạo tài nguyên, môi trường du lịch
9. Phát triển nguồn nhân lực
10. Đảm bảo an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội vùng biển và ven biển
11. Giải pháp nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về du lịch

PHẦN III

KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG BIỂN VÀ VEN BIỂN VIỆT NAM

I. KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ
2. Kiến nghị với các Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
 - 2.1. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư:
 - 2.2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
 - 2.3. Bộ Tài chính:
 - 2.4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - 2.5. Bộ công an
 - 2.6. Bộ Tài nguyên- Môi trường
 - 2.7. Bộ Văn hoá - Thông tin
 - 2.8. Bộ giao thông vận tải
 - 2.9. Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - 2.10. Bộ Nội vụ

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Du lịch
2. Các Bộ, các cơ quan liên quan
3. Các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng ven biển

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Du lịch - Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Hà Nội 2005.
2. Luật đầu tư nước ngoài (sửa đổi).

3. Luật đầu tư trong nước (sửa đổi).

4. Các quy hoạch phát triển du lịch:

- Chiến lược phát triển Du lịch giai đoạn 2001 – 2010, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 22 tháng 7 năm 2002.

- Quy hoạch Tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam (1995 – 2010) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 24 tháng 5 năm 1995.

- Điều chỉnh Tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam (1995 – 2010) đã được Tổng cục Du lịch lập và đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch các vùng và địa bàn du lịch trọng điểm: ba vùng du lịch và sáu trung tâm du lịch.

- Một số Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch 64 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được lập, phê duyệt.

- Điều chỉnh quy hoạch phát triển du lịch quốc gia cho Việt Nam. Tổng cục Du lịch Việt Nam và Tổ chức Du lịch Thế giới (WTO), Hà Nội 2001.

5. Báo cáo của Tổng cục Du lịch: " Phát triển du lịch biển, thực trạng và định hướng phát triển" thực hiện Chỉ thị 339/TTg của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai Nghị quyết 03/NQ-TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế biển.

6. Đề án phương hướng và giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch khu vực Miền trung - Tây nguyên. Tổng cục Du lịch 2004

7. Quy hoạch phát triển các ngành liên quan:

- Quy hoạch bảo tồn tôn tạo và phát huy tác dụng các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020;

- Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020;

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG BIỂN VÀ VEN BIỂN VIỆT NAM

1. Sự cần thiết của giải pháp

Vùng biển và ven biển là nơi tập trung các nguồn lực, tài nguyên và các hoạt động kinh tế xã hội của các nước có biển. Nơi phối kết hợp giữa các quá trình phát triển kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường.

Do ý nghĩa quan trọng của vùng biển đối với các quốc gia có biển, Liên Hợp Quốc (LHQ) và các tổ chức quốc tế đã thống nhất những nguyên tắc quản lý và phát triển bền vững vùng biển và khu vực ven biển. Agenda 21 đã xác định một số nội dung cơ bản có liên quan đối với vấn đề bảo vệ, phát triển bền vững vùng biển:

- Biển và khu vực ven bờ là hệ sinh thái tổng hợp, có vị trí tối quan trọng đối với việc gìn giữ môi trường sống, là nơi tập trung nhiều nguồn lực KTXH phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của các quốc gia, khu vực và thế giới.

- Trước tình hình xuống cấp, huỷ hoại gia tăng của môi trường biển, cần thiết nhiều nỗ lực của mọi quốc gia để quản lý vùng biển và ven biển ở mọi cấp, vùng, quốc gia, khu vực và toàn cầu.

- Các quốc gia thành viên của LHQ cần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển bền vững vùng biển và ven biển thuộc chủ quyền theo quyền, nghĩa vụ và khuôn khổ luật pháp quốc tế đã được thiết lập tại Luật về Biển.

Việt Nam có điều kiện thuận lợi về biển, với trên 3.200 km bờ biển trải dài dọc theo đất nước theo 3 hướng Đông, Nam và Tây Nam, trên 1 triệu km² vùng nước thuộc chủ quyền; với một nửa các đơn vị hành chính cấp tỉnh trong cả nước trực tiếp tiếp giáp với biển, nước ta là một trong những nước có tỷ lệ giữa đất liền và mặt nước vào loại cao so với tỷ lệ trung bình của thế giới.

Biển có vị trí chiến lược rất quan trọng đối với Việt Nam về các mặt kinh tế-xã hội, môi trường và an ninh quốc phòng, là nơi tập trung phần lớn tài nguyên du lịch của đất nước. Trong những năm gần đây, với tiềm năng du lịch đặc sắc, biển và khu vực ven biển đã thu hút hầu hết các hoạt động du lịch với 70% các khu, điểm du lịch trong cả nước được xây dựng, khoảng 60-80% lượng khách du lịch của cả nước. Thu nhập từ hoạt động du lịch biển chiếm tỷ trọng cao trong thu nhập du lịch cả nước. Du lịch vùng biển và khu vực ven biển đã và đang thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác; tạo thêm nhiều việc làm góp phần tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Biển và vùng ven biển còn là địa bàn quan trọng của quá trình phát triển của du lịch Việt Nam trong tương lai theo Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tuy nhiên, trong thời gian qua sự phát triển du lịch khu vực ven biển và vùng biển còn chưa tương xứng với tiềm năng, chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước theo hướng công nghiệp hoá-hiện đại hoá.

Do biển và khu vực ven biển là nơi tập trung phần lớn các hoạt động kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước, vấn đề phối kết hợp phát triển giữa các ngành kinh tế-xã hội, yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước trên cơ sở khai thác hợp lý và có hiệu quả tài nguyên theo nguyên tắc phát triển bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng đang đặt ra nhiệm vụ và giải pháp mới đối với mỗi ngành kinh tế trong đó có du lịch. Để thúc đẩy phát triển vùng biển và khu vực ven biển một cách toàn diện, đòi hỏi những giải pháp tổng hợp về nhiều lĩnh vực trong đó các giải pháp hợp lý và có tính đột phá phát triển vùng biển và ven biển là hết sức cần thiết.

2. Căn cứ xây dựng giải pháp

Trong bối cảnh thiếu những nghiên cứu toàn diện và chi tiết về phát triển du lịch vùng biển và ven biển, nội dung của chuyên đề được tổng hợp trên cơ sở các tài liệu có liên quan được cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện, gồm các chủ trương, chính sách, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước, các định hướng phát triển du lịch và các ngành có liên quan đến vùng biển và ven biển. Cụ thể gồm:

2.1. Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX, năm 2001.

2.2. Pháp lệnh du lịch số 11/1999/PL – UBTVQH ngày 8 tháng 2 năm 1999; Luật Du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005.

2.3. Nghị quyết 03/NQ-TW của Bộ Chính trị về nhiệm vụ phát triển kinh tế biển; Chỉ thị 339/TTg của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai Nghị quyết 03/NQ-TW của Bộ Chính trị về nhiệm vụ phát triển kinh tế biển;

2.4. Chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2010; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các vùng kinh tế trọng điểm.

2.5. Chiến lược phát triển Du lịch giai đoạn 2001 – 2010, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 22 tháng 7 năm 2002; Quy hoạch Tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam (1995 – 2010) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 24 tháng 4 năm 1995; Quy hoạch Tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2010 đang được trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2.6. Báo cáo của Tổng cục Du lịch: " Phát triển du lịch biển, thực trạng và định hướng phát triển" thực hiện Chỉ thị 339/TTg của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai Nghị quyết 03/NQ-TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế biển.

2.7. Quy hoạch phát triển các ngành liên quan:

- Quy hoạch bảo tồn tôn tạo và phát huy tác dụng các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020;

- Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020;

- Các Định hướng, quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, cấp, thoát nước, xử lý chất thải vệ sinh môi trường và một số quy hoạch ngành khác.

3. Phạm vi, giới hạn nghiên cứu

3.1. Về không gian

Căn cứ các yếu tố địa lý, sinh thái, môi trường tạo vùng, yếu tố tài nguyên du lịch; tính chất hoạt động du lịch gắn với tài nguyên du lịch, mối quan hệ hoạt động kinh tế xã hội gắn với hoạt động du lịch vùng biển và ven biển, giới hạn nghiên cứu được xác định đối với vùng biển đảo có tài nguyên du lịch và các điều kiện để tổ chức các hoạt động du lịch biển theo quy định pháp luật và vùng đất liền ven biển, có chiều rộng 10-20 Km tính từ giới hạn mực nước thủy triều trung bình vào trong đất liền.

Để thuận tiện cho việc thu thập số liệu, dự báo các chỉ tiêu phát triển và tổ chức không gian du lịch, giới hạn vùng đất ven biển được xác định theo ranh giới các đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố, thị xã có vị trí địa lý tiếp giáp với biển Đông, gồm 115 huyện, thị xã, thành phố thuộc 29 tỉnh ven biển.

3.2. Về thời gian

Các giải pháp có nội dung liên quan phù hợp với các Định hướng, Chiến lược phát triển KTXH, phát triển du lịch cả nước, các vùng có liên quan theo các giai đoạn đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

4. Mục tiêu và nội dung chủ yếu

4.1. Mục tiêu:

- Tạo cơ sở đẩy mạnh phát triển du lịch tại vùng biển phù hợp với tiềm năng.
- Cụ thể hoá Chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam, Chiến lược, Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2010.
- Cụ thể hoá nhiệm vụ tại Nghị quyết 03/NQ-TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị 339/TTg của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai Nghị quyết 03/NQ-TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế biển;

4.2. Nội dung nghiên cứu:

4.2.1. Giới hạn nghiên cứu:

- Nhiệm vụ này được thực hiện trong bối cảnh ranh giới nghiên cứu chưa được cấp có thẩm quyền quyết định, do tác giả đề xuất; khu vực biển và ven biển Việt Nam chưa có quy hoạch phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt và cơ chế quản lý phát triển du lịch phù hợp với đặc thù vùng lãnh thổ.
- Chuyên đề chưa có điều kiện thời gian và kinh phí để tiến hành điều tra, khảo sát các số liệu cần thiết phù hợp với yêu cầu, quy mô lãnh thổ không gian du lịch biển, chỉ tổng hợp từ Báo cáo của Tổng cục Du lịch thực hiện Chỉ thị 339/TTg của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai Nghị quyết 03/NQ-TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế biển: " Phát triển du lịch biển, thực trạng và định hướng phát triển" (gọi tắt là BCDLB); những số liệu do Viện NCPT Du lịch, các địa phương, các ngành khác có liên quan thực hiện và từ các nguồn khác.

- Nội dung của chuyên đề do đó chỉ mới mang tính định hướng, cần được tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh trên cơ sở đề án hoặc dự án quy hoạch phát triển du lịch vùng biển Việt nam được cấp có thẩm quyền cho phép nghiên cứu, thực hiện.

4.2.2. Nội dung nghiên cứu chủ yếu:

- Đánh giá tổng quát tình hình quản lý phát triển du lịch vùng biển và ven biển;
- Xác định những nguồn lực cơ bản, cơ hội, thách thức phát triển du lịch vùng biển và ven biển.
- Xây dựng một số giải pháp có tính đột phá, làm động lực thúc đẩy phát triển du lịch vùng biển và ven biển Việt Nam.

PHẦN I

THỰC TRẠNG, NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG BIỂN VÀ VEN BIỂN

I. XÁC ĐỊNH GIỚI HẠN KHÔNG GIAN DU LỊCH BIỂN VÀ VEN BIỂN

1. Nguyên tắc xác định ranh giới

Không gian hoạt động du lịch biển là không gian địa lý nơi diễn ra các mối quan hệ chủ yếu về du lịch giữa đất liền và biển. Được xác định bởi lãnh thổ địa lý gồm:

- Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia được phân định theo luật pháp Việt Nam và quốc tế.
- Vùng đất liền ven biển tiếp giáp và có mối quan hệ giữa đất liền và biển về vị trí địa lý, sinh thái, hoạt động du lịch gắn với tài nguyên du lịch biển.

Căn cứ nguyên tắc trên, các nước có quy định giới hạn khác nhau đối với lãnh thổ không gian ven biển, là giải đất ven bờ có chiều rộng tính từ giới hạn mực nước thủy triều cao nhất (triều cường) hoặc trung bình vào trong đất liền. Kinh nghiệm một số nước trên thế giới như: Tây Ban Nha quy định vùng ven biển có ranh giới từ 500m - 25Km; Brasil có chiều sâu từ 2-12km; Costa Rica quy định vùng ven biển là giải đất rộng 200m; Sri Lanka quy định là giải đất rộng 300m đến 2Km. Riêng Trung Quốc tính giải đất chiều rộng 10Km đến giới hạn vùng nước có độ sâu 15m.

2. Tiêu chí xác định không gian

2.1. Do chưa được cơ quan có thẩm quyền xác định ranh giới nghiên cứu, việc giới hạn vùng biển và ven biển được tạm thời xác định theo những căn cứ sau:

- Các yếu tố địa lý, sinh thái, môi trường tạo vùng biển và ven biển.
- Yếu tố tài nguyên du lịch.
- Các mối quan hệ và tính chất hoạt động du lịch gắn với tài nguyên du lịch vùng biển và ven biển.
- Các hoạt động kinh tế xã hội gắn với hoạt động du lịch, có ảnh hưởng hoặc chịu ảnh hưởng của du lịch vùng biển và ven biển.

2.2. Ranh giới hoạt động du lịch vùng biển và ven biển Việt Nam:

Trên cơ sở những tiêu chí trên, giới hạn không gian hoạt động du lịch vùng biển và ven biển Việt Nam được xác định gồm hai khu vực: vùng biển đảo và vùng đất liền ven biển, cụ thể như sau:

- Vùng biển:

Vùng nước có tài nguyên du lịch và các điều kiện để tổ chức các hoạt động du lịch biển, bao gồm vùng biển, đảo thuộc chủ quyền quốc gia được phép sử dụng vào mục đích phát triển du lịch theo quy định pháp luật.

- Vùng ven biển:

Lãnh thổ đất liền giáp biển, có chiều rộng 10-20 Km tính từ giới hạn mực nước thủy triều trung bình vào trong đất liền.

Để thuận tiện cho việc thu thập số liệu, dự báo các chỉ tiêu phát triển và tổ chức không gian du lịch, giới hạn vùng đất ven biển được xác định theo ranh giới các đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố, thị xã có vị trí địa lý tiếp giáp với biển Đông, gồm 115 huyện, thị xã, thành phố thuộc 29 tỉnh ven biển. **II. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG BIỂN VÀ VEN BIỂN VIỆT NAM**

1. Thị trường khách du lịch

1.1. Khách du lịch quốc tế:

- Về lượng khách: Đối với cả nước, khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong thập kỷ vừa qua, từ năm 1990 đã đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm là 22,5%/năm, mức tăng trưởng tương đối cao so với các nước khu vực Đông Nam Á, như Thái Lan (tăng 4,1%/năm), Malayxia (tăng 5%/năm).

Vùng ven biển là khu vực thu hút phần lớn khách du lịch quốc tế. Nếu tính trên toàn lãnh thổ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vùng ven biển, hàng năm trên 60% - 70% tổng số lượt khách quốc tế (lưu trú) đã đến khu vực này: năm 1995 số lượt khách du lịch quốc tế đến các tỉnh, thành phố vùng ven biển đạt 1.284 ngàn, năm 2000 là 3.299 ngàn và đến năm 2002 các tỉnh ven biển đã đón gần 5,3 triệu lượt khách quốc tế; năm 2004, số lượt khách quốc tế lưu trú là 2.702.129, bằng 63% số khách lưu trú quốc tế của cả nước.

- Thị trường khách theo khu vực địa lý: thị trường khách du lịch quốc tế đến Việt Nam rất đa dạng, đến từ nhiều nguồn khác nhau kể từ các thị trường gần đến các thị trường xa. Các thị trường khách quốc tế chủ yếu đến Việt Nam bao gồm Tây Âu, Đông Bắc Á, Bắc Mỹ, châu Úc và Đông Nam Á. Cơ cấu thị trường khách quốc tế đến Việt Nam có nhiều biến động trong thập kỷ vừa qua. Từ năm 1993 trở lại đây thị trường Đông Bắc Á chiếm tỷ lệ lớn nhất - trên 40% và tăng mạnh, năm 2002 chiếm một nửa tổng lượng khách; thị trường châu Âu chiếm khoảng 13% tổng lượng khách quốc tế; thị trường Bắc Mỹ, Đông Nam Á chiếm tỷ lệ tương đương như khách châu Âu, dao động trong khoảng 10 - 13% với mỗi khu vực; thị trường châu Úc chiếm tỷ lệ nhỏ - 4%. Những thị trường chủ chốt gồm: Trung Quốc, Đài Loan, Mỹ, Nhật Bản, Pháp, vùng Đông Nam Á. Khách Trung Quốc đến Việt Nam và vùng ven biển ngày càng tăng và hiện đang chiếm tỷ trọng cao nhất (27% tổng số khách quốc tế), sau đó là Việt Kiều, khách Mỹ (12%), Nhật Bản (> 6%).